



DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO ĐƯỢC HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT 04 (Đợt 1)

STT	Họ tên thành viên hộ	Ngày/tháng/năm sinh	Thành phố	Xã	Thôn	Loại trợ cấp đang được hưởng	Số tiền đã hưởng theo BHYT, NCC, BHXH	Đối tượng áp dụng	Thời gian bắt đầu hưởng NQ 04	Số tiền được hỗ trợ theo NQ 04 (đồng/tháng)	Ghi chú thêm
I. HỘ NGHÈO											
1	Nguyễn Xuân Bắc	07/09/2006	Hải Phòng	Ninh Giang	1			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học
2	Hoàng Thanh Sơn	13/04/1961	Hải Phòng	Ninh Giang	1			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	không vợ, không con
3	Nguyễn Thị Lai	05/03/1957	Hải Phòng	Ninh Giang	2	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	
4	Vũ Thị Đào	02/02/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	2	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	
5	Trần Thị Bé	10/09/1953	Hải Phòng	Ninh Giang	2	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	
6	Nguyễn Thị Loan	17/10/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	3	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	
7	Nguyễn Thị Dung	24/12/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	3	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	
8	Bùi Thị Xuân	07/09/1959	Hải Phòng	Ninh Giang	4	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	
9	Nguyễn Văn Thảo	01/06/1941	Hải Phòng	Ninh Giang	4	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	
10	Bùi Thị Lan	01/01/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	4	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	
11	Nguyễn Văn Mạnh	12/07/1978	Hải Phòng	Ninh Giang	4	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	
12	Vũ Thị Hối	10/12/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	4	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	
13	Bùi Thị Loan	08/02/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	4	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	
14	Phạm Văn Siêu	22/08/1950	Hải Phòng	Ninh Giang		Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	
15	Vũ Thị Mậu	03/02/1954	Hải Phòng	Ninh Giang		Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	
16	Phạm Văn Xuyên	02/10/1982	Hải Phòng	Ninh Giang		khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	
17	Phạm Thị Lưu	19/12/1952	Hải Phòng	Ninh Giang		cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	



18	Phạm Thị Gái	14/02/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	Đông Tâm	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
19	Nguyễn Thị Lan	10/05/1947	Hải Phòng	Ninh Giang	Đông Tâm	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
20	Trương Thị Miên	18/12/1984	Hải Phòng	Ninh Giang	Đông Tâm	Khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
21	Trịnh Đình Doan	10/02/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	Đông Tâm	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
22	Nguyễn Thị Gân	01/01/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Đông Tâm	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
23	Trịnh Thị Quyết	20/10/1988	Hải Phòng	Ninh Giang	Đông Tâm	Khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
24	Trịnh Thị Tinh	25/07/1984	Hải Phòng	Ninh Giang	Đông Tâm	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
25	Trịnh Thị Mân	01/01/1946	Hải Phòng	Ninh Giang	Đông Tâm	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000	Trang 7/2026 trang mức trợ cấp từ 1.050.000đ lên 1.400.000đ	Từ tháng 1-6/2026 hưởng 450.000đ
26	Trịnh Thị Bông	01/02/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	Đông Tâm	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
27	Nguyễn Văn Thành	22/03/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Đông Tâm	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
28	Nguyễn Thị Hà	04/08/1944	Hải Phòng	Ninh Giang	Đông Tâm	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
29	Đinh Thị Hồng	10/10/1970	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyê	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
30	Nguyễn Thị Thùy	16/08/1996	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyê	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
31	Phan Thị Thiếc	10/10/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyê	Thanh niên xung phong	540,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	960,000		
32	Phan Thị Hoàng	01/05/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyê	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
33	Đinh Thị Nhân	16/06/1957	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyê	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
34	Hà Thị Xênh	30/12/1943	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
35	Hà Thị Diễm	01/02/1946	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
36	Hà Thị Cây	29/9/1941	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
37	Nguyễn Thị Lâm	09/01/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
38	Nguyễn Thị Sáu	01/02/1957	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000	Không chồng không con	Từ tháng 1-5/2026 hưởng 1.500.000đ

39	Nguyễn Thị Nụ	01/06/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
40	Nguyễn Thị Bé	19/10/1947	Hải Phòng	Ninh Giang	Trinh Xuyên	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
41	Ngô Thị Vưa	01/9/1953	Hải Phòng	Ninh Giang	An Rắc	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T6/2026	800,000		
42	Nguyễn Thị Ngươn	15/01/1970	Hải Phòng	Ninh Giang	An Rắc	đơn thân nuôi con nhỏ	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
43	Nguyễn Thị Lọt	01/08/1961	Hải Phòng	Ninh Giang	An Rắc	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
44	Bùi Thị Giang	01/08/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiêu Tương	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
45	Bùi Thị Sơn	16/5/1959	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiêu Tương	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
46	Trần Thị Lý	01/01/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiêu Tương	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
47	Trinh Thị Liên	01/01/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Thái	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
48	Trinh Thị Thoi	17/4/1960	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Thái	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
49	Vũ Thị Thuận	18/06/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Thái	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
50	Lê Thị Mão	01/01/1938	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dò	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi trở lên theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
51	Bùi Thị Xuyên	01/01/1932	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dò	Tuất BHXH	1,170,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	330,000		
52	Nguyễn Thị Là	10/02/1969	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dò	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
53	Đào Tiến Thành	10/11/1959	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dò	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
54	Hà Thị Là	01/01/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dò	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T6/2026	800,000		
55	Nguyễn Thị Vinh	16/6/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Dụ	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T6/2026	800,000		
56	Vũ Thị Hoạt	13/2/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Dụ	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
57	Nguyễn Thị Cây	01/03/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Dụ	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
58	Hà Thị Tý	01/01/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Dụ	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		

59	Ngô Thị Đình	28/9/1986	Hải Phòng	Ninh Giang	Hiệp Thọ	Người nhiễm HIV thuộc hộ nghèo	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
60	Trần Thị Tuy	17/11/1962	Hải Phòng	Ninh Giang	Hiệp Thọ	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
61	Đào Thị Tuyên	10/02/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
62	Nguyễn Thị Hiếm	05/10/1959	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
63	Hoàng Ngọc Ngọc	17/7/1979	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
64	Bùi Thị Tròn	4/3/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Trung	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
65	Bùi Thị Minh	16/5/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Trung	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
66	Đào Thị San	01/01/1942	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
67	Mai Thị Bướm	3/6/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
68	Phạm Thị Sinh	22/9/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	cao tuổi thuộc diện hộ nghèo từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi theo Điểm e, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết 48	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
69	Nguyễn Xuân Đình	13/01/1978	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		

II. HỘ CẬN NGHỆO

70	Nguyễn Thị Sấm	08/12/1957	Hải Phòng	Ninh Giang	1			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
71	Vũ Thị Hương	06/02/1978	Hải Phòng	Ninh Giang	1			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	B20.3
72	Lê Thu Hà	23/11/2001	Hải Phòng	Ninh Giang	1	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
73	Hoàng Thị Vui	20/11/1963	Hải Phòng	Ninh Giang	1			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
74	Phạm Thị Quang	14/06/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	1	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	Không chồng không con (hưởng HTXK từ 1/1/2020)	Từ tháng 1-5/2026 hưởng 1.500.000đ
75	Bùi Thị Thủy	06/03/1977	Hải Phòng	Ninh Giang	1	đơn thân nuôi con nhỏ	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
76	Nguyễn Thị Huệ	06/09/2009	Hải Phòng	Ninh Giang	1			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000		
77	Trần Thị Thau	01/01/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	1	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	Đang đi học	
78	Nguyễn Văn Vinh	02/05/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	1	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		

79	Cao Thế Viên	12/03/1964	Hải Phòng	Ninh Giang	1	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000			
80	Lưu Thị Dê	12/10/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	1	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
81	Phạm Quốc Việt	02/09/1993	Hải Phòng	Ninh Giang	2			Điểm b, Khoản 2, Điều 2		1,500,000	trí dài ngày		N18, 110
82	Phạm Thị Nga	24/02/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
	Vũ Thị Nhụ	09/02/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	Không chồng không con (tháng 2/2026)	Không chồng không con	Tháng 1/2026 hưởng 1,500,000đ
83	Vũ Thị Tư	13/08/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	2			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000			
84	Trương Thị Hà	23/01/1948	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
85	Nguyễn Văn Thịnh	05/10/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
86	Nguyễn Thị Thọ	26/12/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
87	Nguyễn Văn Ngọc	27/06/1985	Hải Phòng	Ninh Giang	2	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000			
88	Nguyễn Thị Vân	29/03/1999	Hải Phòng	Ninh Giang	2	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000			
89	Hoàng Thị Nhân	17/02/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
90	Nguyễn Thị Phương	09/06/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T6/2026	800,000			
91	Cao Hoàng Tùng Linh	10/03/2008	Hải Phòng	Ninh Giang	2			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học		Tạm chi đến 15/2026
92	Nguyễn Thị Sanh	28/05/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội + hộ gia đình có người khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000			
93	Phạm Thị Huyền	08/06/1980	Hải Phòng	Ninh Giang	2	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000			
94	Nguyễn Thị Ngọc	01/01/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
95	Vũ Thị Sảng	06/10/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
96	Nguyễn Đình Thành	26/01/1963	Hải Phòng	Ninh Giang	3			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con		
97	Hoàng Thị Khánh	24/02/1957	Hải Phòng	Ninh Giang	3			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con		
98	Bùi Thị Dung	05/10/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	3	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
99	Bùi Thị Cầu	01/01/1947	Hải Phòng	Ninh Giang	3	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000			
100	Nguyễn Thị Ninh	26/02/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	3	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
101	Nguyễn Thị Hiền	12/07/1969	Hải Phòng	Ninh Giang	3	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000			
102	Vũ Thị Bình	12/11/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	3	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
103	Nguyễn Đình Lâm	20/08/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	3	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
104	Trần Thị Bé	01/01/1932	Hải Phòng	Ninh Giang	3	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
105	Trần Văn Thắng	20/01/1962	Hải Phòng	Ninh Giang	3			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không vợ, không con		
106	Trần Thị Hòa	30/12/1990	Hải Phòng	Ninh Giang	3		1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000			
107	Nguyễn Thị Hà Thu	11/09/1986	Hải Phòng	Ninh Giang	3			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày		K86.1, E11, G61

110	Đặng Văn Hòa	08/05/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	3	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
111	Trần Thị Hạnh	08/05/1961	Hải Phòng	Ninh Giang	3	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
112	Đỗ Thị Tý	30/12/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	4	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	Không chồng không con	
113	Phạm Thị Ninh	07/06/1965	Hải Phòng	Ninh Giang	4			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000		
114	Đào Văn Bình	12/01/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	4	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
115	Đào Thị Nga	28/10/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	4	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
116	Bùi Thị Huyền	28/04/1982	Hải Phòng	Ninh Giang	4	đơn thân nuôi con nhỏ	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
117	Đỗ Thị Hòa	24/08/1953	Hải Phòng	Ninh Giang	4	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
118	Vũ Văn Kim	26/04/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	4	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
119	Đỗ Minh Thắng	10/10/2006	Hải Phòng	Ninh Giang	4			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	
120	Nguyễn Thị Hòa	16/09/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	4	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T6/2026	800,000		
121	Nguyễn Tuấn Mạnh	23/5/2009	Hải Phòng	Ninh Giang	4			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	
122	Phạm Thị Hào	10/01/1985	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm đơn thân nuôi con nhỏ	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
123	Đỗ Thị Thơ	02/06/1970	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm		Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T6/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	120
124	Trịnh Đức Thương	01/06/1953	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
125	Phạm Đình Sinh	01/10/1985	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
126	Nguyễn Khánh Bảo	16/05/1953	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
127	Hà Thị Sơn	10/02/1958	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm		Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T6/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	D68
128	Nguyễn Đình Phương	20/12/1955	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
129	Nguyễn Thị Vinh	26/05/1988	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
130	Trịnh Thị Vân	14/10/1956	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
131	Trịnh Viết Thiện	01/01/1958	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
132	Trịnh Thị Khuy	05/06/1960	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
133	Đào Thị Hiền	02/06/1956	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
134	Trần Văn Đành	01/01/1969	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
135	Đào Thị Loan	20/10/1961	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm		Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	C50
136	Vũ Nhân Lương	17/02/1959	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm		Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T5/2025	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	I05.2
137	Nguyễn Thị Thom	08/04/1959	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
138	Phùng Thị Hè	01/01/1957	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm		Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T3/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	M49, C50, C73
139	Trịnh Thị Thành	02/09/1954	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		

140	Đinh Văn Trí	08/08/1968	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyết	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
141	Hoàng Thị Bé	01/01/1962	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyết			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
142	Phan Thị Nhân	01/01/1946	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyết	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
143	Ngô Xuân Quyết	25/12/1979	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyết	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
144	Phan Huy Nhi	19/03/1972	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyết	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
145	Phan Thị Xoan	24/03/2002	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyết	khuyết tật đặc biệt nặng từ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
146	Phan Huy Thấu	10/01/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyết	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
147	Nguyễn Thị Khánh	01/01/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyết	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
148	Phan Thị Dịu	01/01/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyết	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
149	Hà Chí Công Danh	20/12/2007	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyết			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	
150	Nguyễn Thị Vụ	02/10/1960	Hải Phòng	Ninh Giang	Tranh Xuyết			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	có chồng con nhưng chồng con đã chết	
151	Hà Thị Diễm	28/07/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
152	Hà Thị Lua	01/01/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
153	Nguyễn Thị Gá	01/01/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
154	Nguyễn Thị Mai	06/6/1940	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Tất BHHH	1,170,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	330,000		
155	Nguyễn Thị Quy	25/11/1943	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
156	Nguyễn Thị Mùng	18/08/1953	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
157	Hà Thị Cúc	11/9/1939	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
158	Hà Thị Đậu	01/4/1946	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
159	Nguyễn Thị Miêu	05/2/1942	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
160	Nguyễn Thị Định	01/10/1933	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
161	Hà Thị Thu	01/01/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
162	Hà Văn Cự	15/03/1938	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
163	Nguyễn Thị Nhân	01/02/1940	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
164	Chu Thị Hoa	15/01/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
165	Nguyễn Thị Nhỏ	10/03/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T6/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	M17, M47
166	Nguyễn Xuân Tuệ	06/04/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	C18, E11
167	Nguyễn Thị Phương	30/12/1983	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
168	Nguyễn Thị Sịa	01/01/1940	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
169	Hà Văn Thiệu	13/10/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
170	Nguyễn Thị Nhia	10/03/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
171	Hà Thị Viên	15/03/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		

172	Nguyễn Duy Quý	13/03/1975	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000			
173	Nguyễn Thị Khánh Ly	08/04/2006	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000		Đang đi học	
174	Nguyễn Duy Thuận	07/7/2009	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000		Đang đi học	
175	Nguyễn Thị Mơ	17/12/1977	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000		Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	C31
176	Hà Hồng Anh	03/11/2005	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026				
177	Nguyễn Thị Sè	01/01/1960	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000			
178	Nguyễn Thị Bình	22/8/1946	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
179	Hà Thị Mùi	01/07/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà	Hưu trí xã hội theo ND 176	700000	Khoản 1, Điều 2	T7/2026	800,000		Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	C50
180	Nguyễn Thị Tươi	01/01/1960	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000			
181	Phạm Thị Xoe	20/10/1948	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000			
182	Nguyễn Thị Côm	01/04/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
183	Đinh Thị Sáu	02/03/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
184	Nguyễn Ngọc Nhung	01/05/2010	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngoç Hoà	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T5/2026	450,000			
185	Nguyễn Thị Phê	15/06/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
186	Phạm Thị Mây	10/06/1946	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
187	Nguyễn Thị Miên	01/09/1960	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000			
188	Nguyễn Thị Thuận	08/07/1979	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	đơn thân nuôi con nhỏ	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
189	Vũ Đức Thắng	02/10/2009	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000		Đang đi học	
190	Nguyễn Hữu Thường	24/09/1987	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000			
191	Phạm Thị Giải	04/05/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
192	Đinh Thị Súc	13/8/1946	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
193	Nguyễn Văn Minh	27/08/1927	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
194	Nguyễn Thị Tâm	06/06/1960	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000		Không chồng không con	
195	Mai Thị Ly	13/02/1983	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	đơn thân nuôi con nhỏ	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000			
196	Hà Thị Oanh	17/09/1957	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000		Không chồng không con	
197	Nguyễn Thị Nhiệm	12/12/1965	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000		Không chồng không con	
198	Trần Thị Mai	12/6/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
199	Nguyễn Trọng Hùng	08/12/1983	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	đơn thân nuôi con nhỏ	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000			
200	Trần Thị Chiến	05/3/1962	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T4/2026	1,500,000		Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	J44
201	Phạm Gia Chín	08/12/1953	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000			
202	Bùi Thị Toàn	15/05/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T6/2026	800,000			
203	Phạm Gia Thắng	07/02/1983	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	khuyết tật đặc biệt nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000			
204	Nguyễn Văn Tuấn	04/05/2004	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuân	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000			

205	Nguyễn Xuân Hương	08/10/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
206	Nguyễn Thị Thương	08/05/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T5/2026	800,000		
207	Bùi Ngọc Phúc	01/01/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
208	Hà Thị Vinh	20/08/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
209	Hà Văn Thanh	20/10/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
210	Nguyễn Thị An	01/01/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
211	Phạm Gia Ta	16/08/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T6/2026	1,500,000	Mức bệnh cần chữa	C15
212	Lê Đình Vinh	25/05/1957	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Mức bệnh cần chữa	I10, E11, E87.6
213	Nguyễn Thị Vinh	12/01/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
214	Nguyễn Thị Sào	01/01/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
215	Bùi Văn Kiệt	26/6/1953	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
216	Bùi Thị Ca	01/01/1957	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Mức bệnh cần chữa	I20, I10, E11
217	Nguyễn Thị Xuê	16/10/1980	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
218	Đỗ Văn Mãng	10/02/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
219	Ngô Văn Chiếm	03/08/1953	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Tiểu Tương khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
220	Bùi Thị Liên	01/01/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T5/2026	800,000		
221	Vũ Thị Út	01/05/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Tiểu Tương Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
222	Nguyễn Thị Chiêu	01/01/1940	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Tiểu Tương khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
223	Phạm Thị Lăng	03/08/1975	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Tiểu Tương đơn thân nuôi con nhỏ	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
224	Bùi Thị Sưu	01/01/1948	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Tiểu Tương Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
225	Vũ Văn Chi	13/04/1945	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Tiểu Tương Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
226	Phan Thị Thi	10/05/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Tiểu Tương Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
227	Trình Viết Khảm	24/10/1961	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hồng Thái khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
228	Trình Thị Khoa	09/08/1987	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hồng Thái khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
229	Nguyễn Thị Ngan	10/12/1937	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hồng Thái Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
230	Trình Thị Khuê	11/12/1973	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hồng Thái đơn thân nuôi con nhỏ	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
231	Trình Đình Sáng	28/3/2008	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hồng Thái		Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	Tạm chi đến t5/2026
232	Trình Đình Vinh	03/01/1974	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
233	Trình Đình Trí	01/01/1933	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hồng Thái nuôi dưỡng 01 người khuyết tật đặc	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
234	Trình Đình Tinh	20/7/1970	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hồng Thái khuyết tật đặc biệt nặng từ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
235	Trần Thị Cui	01/01/1941	Hải Phòng	Ninh Giang	Ninh Xuyên	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		

236	Trình Thủy Dương	25/10/2008	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Thái			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	Tam chi đến 15/2026
237	Phạm Thị Phái	01/01/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Thái	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
238	Hoàng Thị Ty	01/01/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Thái	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
239	Vũ Thị Quỳnh	14/1/2006	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Thái	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
240	Phạm Thị Thảo	30/09/1982	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Thái			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	C18
241	Đào Thị Thân	01/01/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dòn	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
242	Đào Thị Mến	01/01/1960	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dòn	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
243	Nguyễn Văn Thân	03/06/1928	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dòn	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
244	Đỗ Thị Hiền	04/02/1972	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dòn	trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 người khuyết tật đặc biệt nặng	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	M54.39
245	Phạm Thị Lịch	13/1/1960	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dòn	trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 người khuyết tật đặc biệt nặng	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	Không chồng, con hưởng BHXH	
246	Nguyễn Phạm Huyền Diệp	26/10/2001	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dòn	khuyết tật đặc biệt nặng từ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
247	Lê Thị Biên	10/07/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dòn	Tuất BHXH	1,170,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	330,000		
248	Nguyễn Thị Cảnh	03/06/1983	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dòn	đơn thân nuôi con nhỏ	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
249	Nguyễn Thị Khương	21/08/1973	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dòn	đơn thân nuôi con nhỏ	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
250	Nguyễn Phương Thảo	20/10/2006	Hải Phòng	Ninh Giang	Hương Dòn			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	
251	Hà Thị Phương	02/02/1953	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Dư	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
252	Nguyễn Thị Lành	01/01/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Dư	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
253	Hà Thị Ca	01/01/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Dư	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
254	Nguyễn Thị Vui	01/01/1962	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Dư	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
255	Lê Thị Chiêm	01/01/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Dư	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
256	Trương Thị Hoa	13/10/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	Hiệp Thọ	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
257	Trương Thị Quý	16/6/1952	Hải Phòng	Ninh Giang	Hiệp Thọ	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
258	Trương Thị Mến	06/01/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Hiệp Thọ	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
259	Phạm Thị Nừ	01/1/1963	Hải Phòng	Ninh Giang	Hiệp Thọ			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
260	Trương Thị Tiến	23/9/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	Hiệp Thọ	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
261	Nguyễn Hữu Nghiê	01/01/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	Hiệp Thọ	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
262	Nguyễn Thị Hương	10/01/1976	Hải Phòng	Ninh Giang	Hiệp Thọ	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
263	Nguyễn Thị Hài	10/6/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	Không chồng không con (hưởng HTXH từ tháng 6/2026)	Từ tháng 1-5/2026 hưởng 1.500.000đ

264	Nguyễn Thị Thủy Dương	27/4/2001	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	C56
265	Nguyễn Thị Nhi	05/8/1974	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền	đơn thân nuôi con nhỏ	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
266	Nguyễn Danh Hiền	13/08/1939	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
267	Nguyễn Thị Diên	1936	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
268	Bùi Văn Quỳnh	01/10/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	Trung	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
269	Nguyễn Thị Đàm	31/12/1970	Hải Phòng	Ninh Giang	Trung			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T2/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	C50
270	Vũ Văn Vĩnh	22/12/1964	Hải Phòng	Ninh Giang	Trung	khuyết tật nặng là người cao tuổi, đang tật vận động	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
271	Vũ Thị Ngọc Huyền	02/01/2005	Hải Phòng	Ninh Giang	Trung			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	
272	Nguyễn Thị Cảnh	11/06/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	Trung	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
273	Nguyễn Văn Bảy	01/01/1951	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
274	Vũ Thị Tươi	20/07/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T6/2026	800,000		
275	Nguyễn Thị Ry	07/7/1960	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
276	Đào Thị Gai	01/01/1959	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
277	Đoàn Thị Mạn	27/11/1961	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	800,000		
278	Đào Thị Mân	20/7/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T7/2026	800,000		
279	Đào Thị Hồng	01/01/1948	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
280	Đào Thị Vu	01/01/1969	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
281	Đào Thị Xoe	03/2/1963	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T5/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	110
282	Đào Đình Tiếm	03/8/1984	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	đơn thân nuôi con nhỏ	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
283	Đào Đình Tiếp	27/9/2005	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	
284	Đào Thị Hải Yến	18/5/2009	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	

III. HỌ THOÁT NGHÈO

285	Nguyễn Thị Mẫn	23/03/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	1	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
286	Nguyễn Thị Bình	01/01/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	1			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T5/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	110, E11
287	Phạm Thị Hoat	23/11/1987	Hải Phòng	Ninh Giang	1	Thực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng UI người khuyết tật đặc biệt nặng	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	trị dài ngày	148, 150
288	Nguyễn Thị Minh Lộc	10/11/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	1			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
289	Nguyễn Thị Ngo	01/11/1959	Hải Phòng	Ninh Giang	1			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
290	Nguyễn Thị Bình Đào	21/09/1957	Hải Phòng	Ninh Giang	1			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	

291	Nguyễn Thị Tý	02/10/1959	Hải Phòng	Ninh Giang	1			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
292	Vũ Thị Thanh	01/01/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000	Không chồng không con	
293	Nguyễn Thị Hạnh	22/07/1959	Hải Phòng	Ninh Giang	2			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
294	Phạm Thị Toàn	04/11/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	4			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
295	Phạm Văn Trung	28/07/1947	Hải Phòng	Ninh Giang		Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
296	Phạm Thị Toàn	20/04/1957	Hải Phòng	Ninh Giang		Tranh Xuyê		Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Chồng chết, con hưởng trợ cấp bhxh	
297	Phạm Thị An	01/01/1955	Hải Phòng	Ninh Giang		Tranh Xuyê khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
298	Phạm Thị Hương	04/05/1988	Hải Phòng	Ninh Giang		Tranh Xuyê dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
299	Nguyễn Thị Nhan	03/09/1977	Hải Phòng	Ninh Giang		Tiêu Tương khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
300	Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	04/9/2009	Hải Phòng	Ninh Giang		Tiêu Tương khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
301	Trần Thị Phin	15/9/1949	Hải Phòng	Ninh Giang		Tiêu Tương Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
302	Trần Thị Biên	15/11/1958	Hải Phòng	Ninh Giang		Tiêu Tương		Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
303	Trịnh Thị Diễm	05/9/1971	Hải Phòng	Ninh Giang		Hồng Thái khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
304	Trịnh Văn Hiếu	23/10/2000	Hải Phòng	Ninh Giang		Hồng Thái dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
305	Lê Thị Hương	04/02/1974	Hải Phòng	Ninh Giang		Hồng Du khuyết tật đặc biệt nặng từ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
306	Nguyễn Thị Mạn	01/01/1951	Hải Phòng	Ninh Giang		Trung Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
307	Bùi Thị Bi	1949	Hải Phòng	Ninh Giang		Trung Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
308	Trần Thị Nhung	11/7/1971	Hải Phòng	Ninh Giang		Mai Xá		Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	C56
309	Đào Diệp Quỳnh	30/8/2007	Hải Phòng	Ninh Giang		Mai Xá		Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	

IV. HỘ THOÁT CẶN NGHIỆP

310	Vũ Đình Công	01/01/1947	Hải Phòng	Ninh Giang	1	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
311	Nguyễn Thị Lạc	03/10/1948	Hải Phòng	Ninh Giang	1	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
312	Nguyễn Thị Nguyệt	10/02/1946	Hải Phòng	Ninh Giang	1	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
313	Nguyễn Thị Đoàn	30/04/1947	Hải Phòng	Ninh Giang	1	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
314	Nguyễn Thị Nữ	18/04/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	1	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
315	Nguyễn Thị Sỏi	04/06/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	1	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
316	Lê Thị Bé	01/10/1945	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
317	Phạm Thị Tơ	18/03/1945	Hải Phòng	Ninh Giang	2	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
318	Phạm Thị Tinh	19/05/1956	Hải Phòng	Ninh Giang	2			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
319	Phạm Thị Bình	20/05/1954	Hải Phòng	Ninh Giang	2			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	

320	Đào Thị Hữu	27/12/1958	Hải Phòng	Ninh Giang	4	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
321	Đỗ Thị Báu	26/11/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	4	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
322	Vũ Thị Thìn	21/11/1953	Hải Phòng	Ninh Giang	4	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
323	Nguyễn Thị Cường	22/09/1953	Hải Phòng	Ninh Giang	4			Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Không chồng không con	
324	Bùi Thị Việt	13/05/1946	Hải Phòng	Ninh Giang	4	Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
325	Đỗ Hữu Nam	11/04/1997	Hải Phòng	Ninh Giang		khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
326	Trịnh Thị Chan	01/01/1931	Hải Phòng	Ninh Giang		Tuất BHXH	936,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	564,000		
327	Vũ Văn Hải	01/01/1964	Hải Phòng	Ninh Giang		Đông Tâm khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
328	Nguyễn Thị Rùa	10/08/1950	Hải Phòng	Ninh Giang		Tranh Xuyết khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
329	Nguyễn Văn Cải	24/04/1956	Hải Phòng	Ninh Giang		Tranh Xuyết khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
330	Nguyễn Thị Uyên	21/12/1965	Hải Phòng	Ninh Giang		Tranh Xuyết khuyết tật nặng từ đủ 60 tuổi trở lên	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
331	Nguyễn Văn Hoàn	27/05/1971	Hải Phòng	Ninh Giang		Tranh Xuyết khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
332	Phan Thị Thuý	19/04/1958	Hải Phòng	Ninh Giang		Tranh Xuyết		Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T6/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	C73, I10, E11
333	Phan Huy Thịnh	13/07/1956	Hải Phòng	Ninh Giang		Tranh Xuyết		Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T2/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	I74.3
334	Nguyễn Thị Phiến	02/11/1957	Hải Phòng	Ninh Giang		Tranh Xuyết		Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T6/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	M80
335	Hà Văn Kiềm	01/01/1938	Hải Phòng	Ninh Giang		Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
336	Chu Thị Sắc	06/04/1947	Hải Phòng	Ninh Giang		Hưu trí xã hội theo NĐ 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
337	Trịnh Thị Ný	08/10/1957	Hải Phòng	Ninh Giang		trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		Mắc bệnh cần chữa
338	Nguyễn Trọng Niêm	12/01/1986	Hải Phòng	Ninh Giang		khuyết tật đặc biệt nặng từ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
339	Nguyễn Xuân Phúc	09/12/1976	Hải Phòng	Ninh Giang		khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
340	Nguyễn Thanh Nhân	03/05/2008	Hải Phòng	Ninh Giang				Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	Tạm chi đến 15/2026
341	Hà Đình Trường	05/05/1957	Hải Phòng	Ninh Giang		khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
342	Hà Đình Thanh	20/07/2008	Hải Phòng	Ninh Giang				Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	Tạm chi đến 15/2026
343	Nguyễn Duy Khiêm	16/08/2006	Hải Phòng	Ninh Giang				Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	
344	Nguyễn Duy Mạnh	08/09/2008	Hải Phòng	Ninh Giang				Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	Tạm chi đến 15/2026
345	Nguyễn Minh Hải	22/4/2009	Hải Phòng	Ninh Giang				Điểm d, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	

346	Nguyễn Thị Bé	24/02/1953	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
347	Lê Đình Hiếu	19/3/1979	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
348	Nguyễn Thị Sợi	02/01/1943	Hải Phòng	Ninh Giang	Vĩnh Xuyề	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
349	Nguyễn Hữu Kiên	03/04/2003	Hải Phòng	Ninh Giang	Vĩnh Xuyề	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
350	Nguyễn Thị Phương	14/03/2008	Hải Phòng	Ninh Giang	Vĩnh Xuyề			Điều 4, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	Tạm chi đến 15/2026
351	Phạm Đình Thù	08/05/1939	Hải Phòng	Ninh Giang	Vĩnh Xuyề	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
352	Nguyễn Thị Bông	01/01/1932	Hải Phòng	Ninh Giang	Vĩnh Xuyề	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
353	Trương Vũ Chức	09/03/1981	Hải Phòng	Ninh Giang	Vĩnh Xuyề	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
354	Hà Thị Xiêm	01/01/1963	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà			Điều 4, Khoản 2, Điều 2	T6/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	M17, M54.4
355	Bùi Khánh Chi	20/02/2008	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà			Điều 4, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	Tạm chi đến 15/2026
356	Nguyễn Văn Kiêm	27/07/1944	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
357	Trần Phương Trang	19/01/2008	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà			Điều 4, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	Tạm chi đến 15/2026
358	Hà Mạnh Chiến	14/10/1948	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
359	Hà Phương Thảo	01/04/2008	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
360	Hà Văn Quát	12/12/1948	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
361	Nguyễn Thị Vườn	08/06/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	Ngọc Hoà	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
362	Nguyễn Văn Sáu	01/05/1949	Hải Phòng	Ninh Giang	An Rặc	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
363	Trịnh Thị Mùi	01/03/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	An Rặc	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
364	Trịnh Đình Tuyên	30/8/2009	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Thái			Điều 4, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	
365	Phạm Minh Thu	09/07/2008	Hải Phòng	Ninh Giang	hương Đồng			Điều 4, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	Tạm chi đến 15/2026
366	Nguyễn Đình Tinh	05/04/1985	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Dụ	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
367	Đào Công Nét	15/8/1955	Hải Phòng	Ninh Giang	Hồng Dụ	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
368	Trần Trọng Chính	17/02/1931	Hải Phòng	Ninh Giang	Hiệp Thọ	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
369	Đào Thị Dân	06/10/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
370	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28/8/2008	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền			Điều 4, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	Tạm chi đến 15/2026
371	Nguyễn Công Thành	04/10/2004	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền			Điều 4, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Đang đi học	
372	Lê Lương Sao	08/8/1976	Hải Phòng	Ninh Giang	Trung			Điều 4, Khoản 2, Điều 2	T1/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	I10, E11, D68, E87.6, K74
373	Trần Thị Thín	03/4/1976	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
374	Lê Thị Hoa Thắm	15/1/1975	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá			Điều 4, Khoản 2, Điều 2	T6/2026	1,500,000	Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày	I10

375	Bùi Văn Thanh	20/9/1963	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	khuyết tật nặng là người cao tuổi	1,400,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	100,000		
376	Đoàn Thị Quang	01/01/1950	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	Hưu trí xã hội theo ND 176	700,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	800,000		
377	Phạm Thị Liên	10/6/1983	Hải Phòng	Ninh Giang	Mai Xá	khuyết tật nặng từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi	1,050,000	Khoản 1, Điều 2	T1/2026	450,000		
378	Đào Thị Nhiều	15/4/1969	Hải Phòng	Ninh Giang	Tiền			Điểm b, Khoản 2, Điều 2	T6/2026	1,500,000	Mức bệnh cần chữa trị dài ngày	C50

HẢI PHÒNG

